

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **48/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 25-8-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Văn Bình

2. Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2020/TLST-HNGĐ ngày 09-3-2020 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22/7/2020, thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 63/TB-TA ngày 30/7/2020 giữa các đương S:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị L**, sinh năm 1989 (Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Hồng Ngự - Đồng Tháp

2. Bị đơn: Anh **Huỳnh Văn S**, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 25/02/2020, bản tự khai ngày

09/3/2020, biên bản lấy lời khai ngày 22/6/2020 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày:

Chị và anh Huỳnh Văn S chung sống với nhau năm 2011, có ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S nghe lời mẹ ruột nắm mọi quyền hành trong nhà kể cả nhiều việc khác mà không nghĩ tới chị. Chị đã nhiều lần nhẫn nhịn để cho anh S nhiều cơ hội sửa đổi nhưng thời gian gần đây mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều không thể khắc phục được nên vợ chồng thật S ly thân nhau từ tháng 12 năm 2019 đến nay. Từ khi ly thân đến nay vợ chồng không còn liên lạc gì qua lại với nhau.

Về con: Vợ chồng có 02 đứa con chung tên Huỳnh Công T1, sinh ngày 10/7/2012 hiện đang sống chung với anh S và Huỳnh Thị Thanh T2, sinh ngày 30/8/2017 hiện chị đang trực tiếp nuôi.

Về tài sản: Vợ chồng không tài sản chung.

Về nợ: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn anh Huỳnh Văn S;
- Về quan hệ nuôi con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi Huỳnh Thị Thanh T2, giao Huỳnh Công T2 cho anh S trực tiếp nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn;
- Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không tài sản chung, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn chị Bùi Thị L vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Bị đơn anh Huỳnh Văn S vắng mặt lần thứ hai, không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.
- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn chị Bùi Thị L trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân S; đối với người tham gia tố tụng bị đơn anh Huỳnh Văn S trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân S, cụ thể như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử;

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét những vấn đề cụ thể như sau, về hôn nhân, cho chị Bùi Thị L ly hôn anh Huỳnh Văn S; về nuôi con chung, giao Huỳnh Công T1, sinh ngày 10/7/2012 cho anh S trực tiếp nuôi, giao Huỳnh Thị Thanh T2, sinh ngày 30/8/2017 cho chị L trực tiếp nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn; về tài sản chung và về nợ chung, không có tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo cho bị đơn anh Huỳnh Văn S biết và quy định thời gian để bị đơn có ý kiến về việc khởi kiện *“ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* của nguyên đơn chị Bùi Thị L. Nhưng bị đơn anh S không có ý kiến gì và cũng không cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Sau đó, Tòa án tiến hành Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh S, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn anh S vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân S năm 2015: *“Bị đơn,.....đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt”*.

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục xét xử cho bị đơn anh Huỳnh Văn S, nhưng bị đơn anh S vắng mặt không có lý do nên HĐXX phải hoãn phiên tòa. Quyết định hoãn phiên tòa để mở phiên tòa xét xử lần thứ hai đã được tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh S, nhưng bị đơn anh S vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời tại phiên tòa

hôm nay, nguyên đơn chị Bùi Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân S năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Huỳnh Văn S khi tổ chức hôn nhân, anh chị tự nguyện lấy nhau làm vợ chồng, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã H cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/5/2011. Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh S là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo qui định tại các điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị L thấy rằng: Theo chị L trình bày cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cả hai không cùng chung tiếng nói, từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng càng nhiều, không thể khắc phục được và thực tế vợ chồng đã ly thân nhau một thời gian dài từ tháng 12 năm 2019 đến nay.

Qua kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thì tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị L và S là có thật, và thực tế vợ chồng từ khi ly thân nhau đến nay không ai còn quan tâm đến ai là phù hợp với lời trình bày của chị L nêu trên (Bút lục số 34).

Từ những phân tích, đánh giá trên cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa hai bên không khả năng đoàn tụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh S theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ nuôi con chung: Theo chị L, vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Công T1, sinh ngày 10/7/2012 hiện đang sống chung với anh S và Huỳnh Thị Thanh T2, sinh ngày 30/8/2017 hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi Huỳnh Thị Thanh T2, giao anh S nuôi Huỳnh Công T1, không ai cấp dưỡng nuôi con cùng sau khi vợ chồng ly hôn.

Nội dung này đã được Tòa án nêu rõ trong thông báo thụ lý vụ án và đã tổng đạt hợp lệ cho anh S, nhưng anh S vẫn không có ý kiến phản bác gì đối với ý kiến của chị L nêu ra và cũng không có yêu cầu gì khác. Đồng thời, đối với cháu Huỳnh Thị Thanh T2 đến thời điểm này mới hơn 36 tháng tuổi (36 tháng 24 ngày) nên rất cần được S quan tâm, chăm sóc đặc biệt của người mẹ và kể từ khi ly thân cho đến nay con do chị L trực tiếp nuôi, phát triển bình thường như

bao đứa trẻ khác. Vì vậy, cần giao cháu Huỳnh Thị Thanh T2, sinh ngày 30/8/2017 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; đối với cháu Huỳnh Công T1 cũng đã có văn bản thể hiện ý kiến sau khi cha mẹ (chị L, anh S) ly hôn có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với anh S. Do đó, cần giao cháu Huỳnh Công T1, sinh ngày 10/7/2012 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng sau khi chị L và anh S ly hôn là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương S không thể hiện ý kiến yêu cầu gì, không tranh chấp nên HĐXX không xem xét.

- Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Theo chị L, vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của chị L về tài sản chung và nợ như trên, Tòa án đã nêu trong Thông báo về việc thụ lý vụ án để anh S biết, nhưng đến nay anh S không có ý kiến gì phản bác ý kiến của chị L và cũng không có yêu cầu gì khác. Như vậy, khi Tòa án giải quyết vụ án này thì các đương S (chị L, anh S) không có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ, do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Bùi Thị L có đơn yêu cầu xin ly hôn nên chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân S sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân S năm 2015,

Áp dụng Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị L ly hôn anh Huỳnh Văn S.

2 - Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung Huỳnh Thị Thanh T21, sinh ngày 30/8/2017 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao Huỳnh Công T1, sinh ngày 10/7/2012 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng (*đúng theo nguyện vọng của Huỳnh Công T1*), không ai cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án

3 - Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Không xem xét.

4 - Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu án phí dân S sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân S sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 00077733 ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân S huyện An Minh; chị L đã nộp đủ án phí dân S sơ thẩm.

Đương S có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 25/8/2020); đương S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân S thì người được thi hành án dân S, người phải thi hành án dân S có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân S; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân S.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã H;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Mỹ Linh